



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH THÉP VIỆT NHẬT
Đường Đ20 - KCN Châu Đức - Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
Điện thoại: 0254 388 9779 Fax: 0254 388 9778 Hotline: 091 277 1976
Mã số thuế: 3502438466 Email: vietnhatsteel.2020@gmail.com

BẢNG QUY CHUẨN TRỌNG LƯỢNG HÀNG HOÁ

Đơn vị tính: Kg/cây

Độ dày Chủng loại	0.8	0.9	1.0	1.1	1.2	1.4	1.8	2.0	Số cây/Bó
□ 14 x 14	1.78	2.03	2.27	2.48	2.73	3.21			100
□ 16 x 16	2.06	2.35	2.63	2.91	3.14	3.70			100
□ 20 x 20	2.61	2.96	3.32	3.68	3.99	4.70			100
□ 25 x 25	3.29	3.75	4.20	4.65	5.06	5.95			100
□ 30 x 30	3.97	4.52	5.06	5.60	6.12	7.20	9.29		100
□ 38 x 38		5.90	6.61	7.33	8.05	9.29			100
□ 40 x 40		6.08	6.81	7.54	8.25	9.71	12.55	14.00	49
□ 50 x 50			8.56	9.48	10.38	12.22	15.81	17.64	49
□ 60 x 60				11.49	12.61	14.08	19.29	21.53	25
□ 75 x 75					15.70	18.48	23.96	26.73	25
□ 90 x 90						22.24	28.84	32.57	20
□ 100 x 100						24.74	32.10	36.25	16

Độ dày Chủng loại	0.8	0.9	1.0	1.1	1.2	1.4	1.8	2.0	Số cây/Bó
□ 10 x 20	1.93	2.19	2.45	2.72	2.93	3.45			98
□ 13 x 26	2.54	2.89	3.23	3.58	3.89	4.57			98
□ 20 x 40	3.97	4.52	5.06	5.60	6.12	7.20	9.29		98
□ 25 x 50	5.00	5.69	6.37	7.06	7.72	9.08	11.73		50
□ 30 x 60		6.86	7.69	8.51	9.31	10.96	14.18	15.82	50
□ 40 x 80		9.24	10.30	11.41	12.51	14.72	19.07	21.27	50
□ 30 x 90				11.41	12.51	14.72	19.07	21.27	50
□ 50 x 100				14.31	15.70	18.48	23.96	26.73	32
□ 60 x 120						22.21	28.84	32.18	20

Độ dày Chủng loại	0.8	0.9	1.0	1.1	1.2	1.4	1.8	2.0	Số cây/Bó
ø 21	2.21	2.53	2.84	3.14	3.41	4.01			127
ø 27		3.21	3.59	3.98	4.34	5.11	6.68		127
ø 34		4.09	4.54	5.03	5.50	6.44	8.38	9.48	91
ø 42			5.69	6.32	6.93	8.16	10.53	11.74	61
ø 49				7.28	7.98	9.40	12.14	13.54	61
ø 60				9.04	9.92	11.68	15.10	16.84	37
ø 76				11.42	12.53	14.75	19.11	21.32	37
ø 90						17.35	22.49	25.09	19
ø 114						22.27	28.97	32.32	10

* Trọng lượng có tính chất tham khảo trong phạm vi dung sai +/-8%

* Hàng giao qua cân thực tế của nhà máy